TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN CẨM LỆ** **TP. ĐÀ NẴNG** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 23/2025/DS-ST
Ngày: 14 - 4 - 2025
V/v tranh chấp "*Hợp đồng tín dụng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ- TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Văn Du

2. Ông Đoàn Văn Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dự- Thư ký tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 14 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 310/2024/TLST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2024 về việc tranh chấp *"Hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2025/QĐXX-ST ngày 04 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP S – S1**; Địa chỉ: 2 N, Phường H, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D- Chức vụ: Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Phạm Đăng H, chức vụ: Chuyên viên khách hàng; địa chỉ liên hệ: A B, quận H, thành phố Đà Nẵng- Có mặt;

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị H1**, sinh năm: 1969

Địa chỉ: 4 L, tổ F phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng- Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 05/9/2024, bản tự khai cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S trình bày:

Ngân hàng Thương mại cổ phần S (S1) - Chi nhánh Đ có ký hợp đồng với bà Nguyễn Thị H1, theo hợp đồng thẻ tín dụng k, ngày 02/03/2022 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tin dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng).

Căn cứ thu nhập của bà H1, Ngân hàng đã cấp hạn mức tín dụng 20.000.000 đồng với mục đích: tiêu dùng cá nhân, thông qua khoản vay.

Đối với thẻ tín dụng quốc tế Cre Platinum 436438 – 4934

Đến ngày 25/11/2023 bà H1 đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 20.901.720 đồng. Bà H1 đã thanh toán cho Ngân hàng với tổng số tiền 12.108.000 đồng, trong đó: phí 1.598.000 đồng, phí trễ hạn: 407.437 đồng, phí VHM 100.000 đồng, lãi phát sinh 9.774.373 đồng và thanh toán gốc 228.190 đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Đến ngày 26/01/2024 bà H1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thổ của Bà H1 và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu (Dư nợ) sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Từ ngày 26/01/2024 đến ngày 05/09/2024 bà H1 vẫn chưa thanh toán thêm cho ngân hàng. Tính đến ngày 14/4/2025, bà H1 còn nợ ngân hàng: Dư nợ 22.286.884 đồng; lãi phát sinh: 12.307.810 đồng (gồm lãi trong hạn: 8.205.207 đồng; lãi quá hạn: 4.102.603 đồng). Tổng cộng: 34.594.694 đồng.

Lãi suất trong hạn: 2,48%/tháng; lãi suất quá hạn: 3.72%/tháng (2.48%x150%).

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu Bà H1 có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên bà H1 vẫn chưa thanh toán cho Ngân hàng, vi phạm các Điều khoản và Điều kiện đã qui định tại Hợp đồng.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng TMCP S đề nghị Tòa án giải quyết:

1. Buộc bà Nguyễn Thị H1 phải trả ngay cho Ngân hàng với tổng số tiền tạm tính đến ngày 14/4/2025 là 34.594.694 đồng, trong đó: Dư nợ: 22.286.884 đồng; lãi trong hạn: 8.205.207 đồng; lãi quá hạn: 4.102.603 đồng.

2. Buộc bà Nguyễn Thị H1 phải thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 15/4/2025 cho đến khi trả hết dư nợ thẻ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng đã ký.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H1 đã được tòa án tiến hành niêm yết thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự trình bày ý kiến, cung cấp các chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, nhưng bà H1 đều vắng mặt nên tòa án không có lời khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP S2 tại Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, TP . và Tòa án đã thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 26; Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa bị đơn là bà Nguyễn Thị H1 vắng mặt không có lý do. Xét thấy trong qúa trình giải quyết vụ án, tòa án đã thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn đầy đủ. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án:* Do có nhu cầu tiêu dùng cá nhân nên vào ngày 02/03/2022, bà Nguyễn Thị H1 có ký thẻ tín dụng số 436438 – 4934 với Ngân hàng TMCP S, Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ thu nhập của bà H1, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Lãi suất áp dụng 2,48%/tháng (lãi suất trong hạn); lãi suất quá hạn: 3.72%/tháng (2.48%x150%) và được Ngân hàng quyết định điều chỉnh phù hợp với quy định của Ngân hàng N về lãi suất cho vay.

Quá trình thực hiện hợp đồng Ngân hàng TMCP S đã đáp ứng đầy đủ yêu cầu của bà H1 về việc cấp thẻ tín dụng và bà H1 đã thực hiện ba lần giao dịch với tổng số tiền 20.901.720 đồng, nhưng cho đến nay bà H1 vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ mà đã vi phạm các cam kết về kỳ hạn trả nợ cho Ngân hàng TMCP S. Kể từ khi được cấp thẻ tín dụng đến ngày 25/11/2023 bà H1 đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP S được 12.108.000 đồng. Do bà H1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 26/01/2024 Ngân hàng TMCP S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết; buộc bà Nguyễn Thị H1 trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 14/4/2025 là 34.594.694 đồng, trong đó: nợ gốc: 22.286.884 đồng; lãi trong hạn: 8.205.207 đồng; lãi quá hạn: 4.102.603 đồng.

Bà Nguyễn Thị H1 phải thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 15/4/2025 cho đến khi trả hết dư nợ thẻ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng đã ký.

Xét yêu cầu của đương sự, trên cơ sở xem xét các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và ý kiến, trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3]Đối với yêu cầu trả khoản nợ gốc: 22.286.884 đồng;

Ngày 02/03/2022, bà Nguyễn Thị Hồng K với Ngân hàng TMCP S Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 436438 – 4934, theo đó Ngân hàng TMCP S cấp cho bà Nguyễn Thị Hồng T tín dụng với hạn mức 20.000.000 đồng. Theo các tài liệu, chứng cứ mà Ngân hàng TMCP S cung cấp thể hiện; sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà H1 đã

thực hiện 03 lần giao dịch với số tiền 20.901.720 đồng, tính đến ngày 25/11/2023 bà H1 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 12.108.000 đồng. Tính đến ngày 14/4/2025 dư nợ gốc của bà H1 là 22.286.884 đồng, từ thời điểm đó đến nay bà H1 không thanh toán được nợ gốc, nợ lãi và các khoản phí cho Ngân hàng. Như vậy, theo bản Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ như đã viện dẫn nêu trên thì bà H1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng yêu cầu bà H1 phải thanh toán nợ cho Ngân hàng trong đó có khoản nợ gốc 22.286.884 đồng là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[3.1]Đối với yêu cầu của Ngân hàng buộc bị đơn trả khoản lãi trong hạn 8.205.207 đồng và lãi quá hạn với số tiền 4.102.603 đồng tính từ ngày 26/01/2024 đến ngày 14/4/2025. Tổng Cộng là: 12.307.810 đồng. Theo cam kết tại giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng thì các bên thỏa thuận lãi suất trong hạn áp dụng là 2,48%/tháng, lãi suất quá hạn 3.72%/tháng (2.480% x 150%). Như vậy, số tiền Ngân hàng yêu cầu bà Nguyễn Thị H1 phải thanh toán khoản lãi trong hạn 8.205.207 đồng và lãi quá hạn 4.102.603 đồng tính từ ngày 26/01/2024 đến ngày 14/4/2025 với tổng số tiền là 12.307.810 đồng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư 14/2017/TT-NHNN ngày 29/9/2017 của Ngân hàng N quy định "*Số tiền lãi: là khoản tiền tổ chức tín dụng phải trả cho khách hàng gửi tiền hoặc khách hàng nhận cấp tín dụng phải trả cho tổ chức tín dụng về việc sử dụng khoản tiền đã nhận"*. Theo điểm c khoản 4 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N quy định *"Trường hợp khoản nợ vay bị chuyển nợ quá hạn, thì khách hàng phải trả lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất không vượt quá 150% lãi cho vay trong hạn"*. Do đó, việc Ngân hàng yêu cầu tính lãi trong hạn và quá hạn trên số tiền nợ gốc là 22.286.884 đồng, tương ứng với thời gian chậm trả, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nên cần chấp nhận.

[5] Căn cứ vào giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 436438 – 4934 ngày 02/3/2022; căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự. Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với bà Nguyễn Thị H1.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm bị đơn phải chịu theo giá ngạch 5% của số tiền phải trả.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự. Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2017. Điều 147; khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Thông tư 14/2017/TT-NHNN ngày 29/9/2017 của Ngân hàng N quy định về phương pháp tính lãi trong hoạt động nhận, gửi tiền, cấp tín dụng giữa tổ chức tín dụng với khách hàng. Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Ngân hàng N quy định về hoạt

động thẻ ngân hàng. Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng của Ngân hàng TMCP S đối với bà Nguyễn Thị H1.

Tuyên xử: Buộc bà Nguyễn Thị H1 phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền nợ tính đến ngày 14/4/2025 là 34.594.694 đồng, trong đó; dư nợ gốc: 22.286.884 đồng, lãi trong hạn 8.205.207 đồng, lãi quá hạn 4.102.603 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo (ngày 15/4/2025) bà Nguyễn Thị H1 còn phải tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh cho đến khi trả hết dư nợ thẻ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng đã ký.

Án phí dân sự sơ thẩm: 1.729.734 đồng, bà Nguyễn Thị H1 phải chịu.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp 712.057 đồng theo biên lai thu số 0009280 ngày 08/11/2024, tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, TP ..

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Lâm